

Bản án số: 38/2017/HC-ST
Ngày: 25-7-2017
V/v khiếu kiện quyết định về
bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Kim Loan.
2. Ông Đỗ Xuân Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Châu Thùy Tam - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2017/TLST-HC ngày 20/4/2017 về “*Khiếu kiện quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2017/QĐXXST-HC ngày 28/6/2017 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố S, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông **Trần Văn A**, sinh năm 1982 (văn bản ủy quyền ngày 18/5/2017) (có mặt).

Địa chỉ: Số 124C, đường H, phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện P.

Địa chỉ: Số 04, đường B, khu phố H, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông **Đinh Khoa T**, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện bà Nguyễn Thị H và người đại diện là ông Trần Văn A trình bày:

Ngày 20/02/2017, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 1951/QĐ-UBND thu hồi của bà Nguyễn Thị H 1.199,4 m² đất trồng cây lâu năm tại khu phố S, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang để thực hiện dự án Khu phức hợp du lịch sinh thái Bãi Khem do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M đầu tư tại thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi thu hồi đất, ngày 06/3/2017 Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 2231/QĐ-UBND về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu phức hợp du lịch sinh thái Bãi Khem, tại thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Theo Quyết định số 2231/QĐ-UBND bà Nguyễn Thị H được bồi thường, hỗ trợ tổng cộng 759.663.200 đồng (bảy trăm năm mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn hai trăm đồng), trong đó:

Bồi thường quyền sử dụng đất 189.915.800 đồng (một trăm tám mươi chín triệu chín trăm mười lăm ngàn tám trăm đồng); Hỗ trợ đất đai 569.747.400 đồng (năm trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi bảy ngàn bốn trăm đồng). Bà Nguyễn Thị H đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

Ông A cho rằng Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của UBND huyện P bồi thường, hỗ trợ cho bà H chưa đúng quy định của pháp luật khi Nhà nước thu hồi đất. Cụ thể:

Căn cứ vào số tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà H theo Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của UBND huyện H thì đất của bà H được bồi thường với giá đất theo Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh Kiên Giang bằng 158.000 đồng/m², giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm tại vị trí 1. Nhưng tại thời điểm năm 2017, quyết định này đã hết hiệu lực và được thay thế bởi Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ban hành quy định Bảng giá đất đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 thì Ủy ban nhân dân huyện P phải khảo sát giá đất theo thị trường cho từng dự án để bồi thường, hỗ trợ cho người có đất bị thu hồi.

Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P không hỗ trợ ổn định đời sống cho gia đình bà H theo quy định tại Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang giải quyết:

- Hủy Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu phức hợp du lịch sinh thái Bãi Khem, tại thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị H theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện P đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án, nhưng không có văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà H, không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc ban hành quyết định bị kiện. Đồng thời có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến của người bị kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Trần Văn A đại diện cho bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu phức hợp sinh thái Bãi Khem tại thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang đối với bà Nguyễn Thị H.

Vì quyết định này ban hành căn cứ theo Quyết định số 1950/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc phê duyệt phương án bổ sung và thu hồi kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu phức hợp sinh thái Bãi Khem tại thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang là một quyết định được ban hành không đúng quy định của pháp luật. Cụ thể:

Tại thời điểm ban hành Quyết định số 1950/QĐ-UBND thì Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ban hành bảng quy định giá các loại đất năm 2014 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đã không còn hiệu lực. Ủy ban nhân dân huyện P phải áp dụng Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định Bảng giá đất đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (thay thế Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND) và hệ số điều chỉnh theo Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy

định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang để làm căn cứ hỗ trợ mới phù hợp.

Ông A yêu cầu Tòa án áp dụng điểm a khoản 4 Điều 34 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để buộc Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định bồi thường mới đối với bà H.

Phương án bồi thường cho bà H được phê duyệt năm 2017 thì phải áp dụng các quy định của Luật Đất đai năm 2013 để lập phương án.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 74 của Luật Đất đai năm 2013: “Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”.

Đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 2231/QĐ-UBND bà H đã nhận nên bà sẽ tự nguyện khấu trừ khi có quyết định bồi thường mới.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính tại phiên tòa sơ thẩm.

Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đủ điều kiện để giải quyết vụ kiện.

Người khởi kiện, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Đối với người bị kiện: Trong quá trình giải quyết vụ án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính. Tuy nhiên, người bị kiện chưa chấp hành nghĩa vụ về cung cấp tài liệu, chứng cứ quy định tại Điều 78 của Luật Tố tụng hành chính mặc dù đã nhận được Thông báo thụ lý của Tòa án. Việc vắng mặt của người bị kiện gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H, hủy Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P và buộc

Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị H theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu phức hợp sinh thái Bãi Khem là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 30, Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

Đại diện người bị kiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 158 của Luật Tố tụng hành chính để xét xử vắng mặt người bị kiện.

[2] Về nội dung:

Ngày 20/02/2017 Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 1951/QĐ-UBND thu hồi của bà Nguyễn Thị H diện tích 1.199,4 m² đất trồng cây lâu năm tại thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang để thực hiện dự án Khu phức hợp du lịch sinh thái Bãi Khem.

Ngày 06/3/2017 Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 2231/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ cho bà H diện tích đất 1.199,4 m².

Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P ban hành căn cứ vào Quyết định số 1950/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc phê duyệt phương án bổ sung và thu hồi kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu phức hợp du lịch sinh thái Bãi Khem tại thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

[3] Quyết định số 1950/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 do Ủy ban nhân dân huyện P ban hành đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013.

Về nội dung của Quyết định số 1950/QĐ-UBND: Ủy ban nhân dân huyện P áp dụng Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành là Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết

định số 31/2008/QĐ-UBND ngày 20/10/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Bảng quy định đơn giá bồi thường cây trồng, hoa màu trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 35/2012/QĐ-UBND ngày 30/11/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Bảng quy định đơn giá xây dựng mới nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc; Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Bảng quy định giá các loại đất năm 2014 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Trong các văn bản nêu trên, tại thời điểm tháng 02 năm 2017 Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc Quy định Bảng giá đất đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Ủy ban nhân dân huyện P không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H nên Tòa án không xác định được giá đất bồi thường cho bà H có được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 74 và khoản 3, khoản 4 Điều 114 của Luật Đất đai năm 2013 hay không.

Tuy nhiên, trong Quyết định số 1950/QĐ-UBND không nêu căn cứ vào Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quyết định giá đất cụ thể để bồi thường cho bà H như quy định tại khoản 3 Điều 114 của Luật Đất đai năm 2013, nên có căn cứ để khẳng định Ủy ban nhân dân huyện P chỉ sử dụng bảng giá đất theo Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang để phê duyệt phương án đền bù, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với bà H.

Trong trường hợp này Ủy ban nhân dân huyện P phải xây dựng phương án đền bù khi thu hồi đất dựa trên cơ sở pháp luật được quy định tại khoản 2 Điều 74, khoản 3, khoản 4 Điều 114 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 14 của Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang: “Bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm thu hồi đất”, “Hỗ trợ bằng tiền bằng 03 lần giá đất nông nghiệp cùng loại theo bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định nhân với hệ số điều chỉnh (nếu có) đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi” và áp dụng các chính sách hỗ trợ khác khi thu hồi đất cho bà H (nếu có) theo Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Ủy ban nhân

dân tỉnh Kiên Giang.

Với những sai sót này cần thiết phải hủy Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của Ủy ban nhân dân P và kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện P phải lập phương án bồi thường, hỗ trợ và ra quyết định bồi thường, hỗ trợ cho bà H theo đúng quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn. Trường hợp chậm bồi thường còn phải thanh toán thêm cho bà H một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 93 của Luật Đất đai năm 2013.

[5] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, hủy Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P, kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị H theo đúng quy định của pháp luật.

[6] Án phí hành chính sơ thẩm: Bà H không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ủy ban nhân dân huyện P phải chịu án phí 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 32 và Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 69, Điều 74, Điều 93 và Điều 114 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 32/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Hủy Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu phức hợp du lịch sinh thái Bãi Khem, tại thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

2. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định mới bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị H thay thế cho quyết định đã bị hủy theo đúng quy định

của pháp luật.

3. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Ủy ban nhân dân huyện P phải nộp 300.000 đồng.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005904 ngày 18/4/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Cẩm Thu